

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70 /2023/HNGĐ-ST

Ngày 29-12-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh

Bà Phan Thị Minh Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2023/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXX-ST ngày 11 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Đỗ Minh T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- **Bị đơn:** Chị Phạm Thị T1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 18/9/2023 và các bản khai, biên bản hòa giải trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Đỗ Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh tự nguyện đăng ký kết hôn với chị Phạm Thị T1 từ ngày 30/9/2015 tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã T, huyện K (Giấy chứng nhận kết hôn số 27). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì

phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, chị T1 không tôn trọng các thành viên trong gia đình anh, không biết đối nhân xử thế, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên năm 2022, anh nộp đơn xin ly hôn chị T1 tại Tòa án nhân dân huyện K. Quá trình giải quyết, anh đã tự nguyện rút đơn, mong chị T1 thay đổi tính cách để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung. Do đó Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, thời gian chung sống đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn. Mặc dù đã được hai bên gia đình và thôn xóm khuyên giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng vẫn sống cùng nhà nhưng không quan tâm đến nhau từ tháng 9/2023 đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, anh xin ly hôn chị T1.

Về con chung: Anh chị có 01 con là Đỗ Ngọc D, sinh ngày 06/8/2017, đang do anh chị nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu D đến khi cháu đủ 18 tuổi. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, giữa anh và chị T1 thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29 tháng 10 năm 2023 và các lời khai trong hồ sơ vụ án, bị đơn Phạm Thị T1 trình bày thống nhất với anh T về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2021, do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn xuất phát từ cuộc sống chung hàng ngày giữa gia đình anh T với chị dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng chị. Nay mâu thuẫn giữa anh chị càng trầm trọng, không tôn trọng nhau. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị đồng ý ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 chung như anh T đã trình bày. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị làm nhân viên văn phòng tại Công ty, mức thu nhập trung bình từ 8 triệu đồng đến 9 triệu đồng/ tháng, có chỗ ở đảm bảo, đủ điều kiện để nuôi con tốt. Mặt khác, cháu D là con gái, chị chăm sóc cháu sẽ phù hợp hơn. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, giữa chị và anh T thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T giữ nguyên toàn bộ nội dung, yêu cầu nêu trên. Anh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh được ly hôn chị T1. Anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu D đến khi đủ 18 tuổi, vì cháu D đang học lớp 1 ở Trường tiểu học xã T, cháu đã quen các bạn cùng lớp. Nếu Hội đồng xét xử giao cháu D cho chị T1 nuôi dưỡng thì cháu phải chuyển trường học, như vậy sẽ ảnh hưởng đến tinh thần của cháu. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, giữa anh và chị T1 thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T1 vẫn giữ nguyên toàn bộ nội dung, yêu cầu nêu trên. Chị đồng ý ly hôn anh T. Chị tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu D cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, vì cháu D là con gái, cháu rất cần sự quan tâm chia sẻ của người mẹ trong cuộc sống hàng ngày, nhất là chuẩn bị đến giai đoạn độ tuổi cháu trưởng thành về tâm sinh lý. Nếu được trực tiếp nuôi con, chị sẽ chuyển trường cho cháu về quê ngoại ở xã Đ, từ nhà ngoại đến trường học rất gần, bên cạnh đó bố mẹ đẻ của chị còn khỏe mạnh, hỗ trợ chị trong việc chăm sóc cháu. Về thời gian chị làm việc theo giờ hành chính, sáng từ 7 giờ 30 phút; chiều 17 giờ về. Nơi làm việc cách nhà chị vài cây số, chị có rất nhiều thời gian chăm sóc con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, giữa chị và T đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 72, Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Minh T và chị Phạm Thị T1. Về con chung: Giao cháu Đỗ Ngọc D, sinh ngày 06/8/2017 cho chị Phạm Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Giữa anh T và chị T1 tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh T nhận chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà anh T đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Đỗ Minh T xin ly hôn chị Phạm Thị T1 và yêu cầu giải quyết nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện K. Chị T1 đang cư trú tại xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Minh T xin ly hôn chị Phạm Thị T1; căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã T cung cấp thì hôn nhân của anh Đỗ Minh T và chị Phạm Thị T1 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2021, do bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Nay anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Anh, chị đều thỏa thuận tự nguyện ly hôn, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, được công nhận.

[3] Về nuôi con chung: Anh chị có 01 con chung là Đỗ Ngọc D, sinh ngày 06/8/2017, đang do anh chị nuôi dưỡng. Anh T và chị T1 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của các bên đương sự và trên cơ sở cung cấp thông tin của chính quyền xã T và các chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án thể hiện:

[3.1] Về nghề nghiệp: Anh T làm nghề nhân viên kỹ thuật điện trong công ty Trách nhiệm hữu hạn G, thu nhập trung bình 9.500.000 đồng/1 tháng; chị T1 làm nghề nhân viên văn phòng trong công ty Cổ phần T2, thu nhập trung bình 8.500.000 đồng/1 tháng.

[3.2] Về chỗ ở: Nếu ly hôn, anh T vẫn ở cùng bố mẹ đẻ anh T (có nhà, đất thuộc quyền sở hữu của bố mẹ anh T). Chị T1 về ở cùng bố mẹ đẻ chị T1 (có nhà, đất thuộc quyền sở hữu của bố mẹ chị T1). Như vậy cả hai anh chị đều có công việc thu nhập và chỗ ở ổn định. Tuy nhiên, chị T1 làm việc theo giờ hành chính; mặt khác, cháu D là con gái, cần sự chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp của người mẹ sẽ đảm bảo quyền lợi cho cháu có cuộc sống tốt hơn về mọi mặt. Do đó, cần giao cháu D cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, giữa anh T và chị T1 đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

[4] Về tài sản, công nợ: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Do anh T và chị T1 đã thỏa thuận tự nguyện ly hôn nên anh chị chỉ phải chịu 50% mức án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuy nhiên anh T nhận chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nên anh T phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Minh T và chị Phạm Thị T1.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Ngọc D, sinh ngày 06/8/2017 cho chị Phạm Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, anh T và chị T1 tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Đỗ Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Đỗ Minh T nhận chịu toàn bộ 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004613, ngày 26 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Anh Đỗ Minh T đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại anh Đỗ Minh T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0004613, ngày 26 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Minh T, chị Phạm Thị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Dịu

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Sơn;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Diệu

